

**CÔNG TY TNHH DV BĐS ĐẤT VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DV BĐS ĐẤT VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703130079

**3. Ngày thành lập:** 30/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 117/20/4G, đường Đông Minh, khu phố Tây A, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0988150150

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                           | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                  | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                  | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                             | 4390        |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                             | 4651        |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                              | 4652        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                 | 4659        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                         | 4663        |
| 9.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                           | 6810(Chính) |
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất | 6820        |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                        | 7020        |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                             | 7110        |
| 13. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                  | 7120        |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                  | 7410        |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                               | 4101        |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                         | 4102        |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                   | 4211        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                    | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình điện                                                                                                        | 4221        |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                             | 4222        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 21. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                           | 4223                                                         |
| 22. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                            | 4229                                                         |
| 23. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                     | 4291                                                         |
| 24. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                              | 4292                                                         |
| 25. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                        | 4293                                                         |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                   | 4299                                                         |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                       | 4311                                                         |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                            | 4312                                                         |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                        | 4321                                                         |
| 30. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4741                                                         |
| 31. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4742                                                         |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                         | 4752                                                         |
| 33. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VĂN PHÚ VIỆT    | Việt Nam  | 117/20/4G, Khu phố Tây A, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 3.000.000.000         | 50,000    | 049080010204                                                                                            |         |
| 2   | TRẦN TRUYỀN HẬU | Việt Nam  | Thôn Tân Bình, Xã Sơn Bình, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam          | 3.000.000.000         | 50,000    | 045085000027                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN TRUYỀN HẬU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 045085000027

Ngày cấp: 09/05/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Bình, Xã Sơn Bình, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tân Bình, Xã Sơn Bình, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương